

**BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2006/QĐ-BGD&ĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết)
cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số****BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

Theo kết luận của Hội đồng thẩm định Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) ngày 13/10/2005;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình khung dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Chương trình khung kèm theo Quyết định này là cơ sở để biên soạn chương trình cụ thể, tài liệu, sách giáo khoa dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

Điều 3. Các ông (bà) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Vọng

**BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****CHƯƠNG TRÌNH KHUNG****dạy tiếng dân tộc thiểu số (có chữ viết) cho cán bộ,
công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2006/QĐ-BGD&ĐT
ngày 24 tháng 01 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của Chương trình là giúp học viên biết tiếng nói, chữ viết của đồng bào dân tộc, có khả năng giao tiếp bằng tiếng dân tộc (nghe, nói tương đối tốt trong giao tiếp thông thường; đọc, viết được) và có những hiểu biết cần thiết về văn hóa phong tục tập quán của đồng bào.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**1. Phù hợp với đối tượng**

Đối tượng tiếp nhận Chương trình là những cán bộ, công chức công tác ở các vùng dân tộc thiểu số, chưa biết tiếng nói, chữ viết của đồng bào, có nhu cầu học một chương trình ngắn hạn về tiếng dân tộc như một ngôn ngữ thứ hai. Chương trình được xây dựng trên tinh thần tinh giản, thiết thực, có tính thực hành cao, giúp học viên đạt được mục tiêu mà Chương trình đã đặt ra cho khóa học.

2. Giao tiếp

Để hình thành và phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ một cách nhanh chóng và vững chắc, việc dạy ngôn ngữ dân tộc cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc vận dụng quan điểm dạy học theo định hướng giao tiếp, đặc biệt chú trọng hai kỹ năng nghe và nói là những kỹ năng giao tiếp được sử dụng nhiều nhất trong quan hệ với đồng bào; khuyến khích học viên kết hợp việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong công tác và đời sống hằng ngày.

3. Tích hợp

3.1. Kết hợp chặt chẽ giữa luyện nghe, nói với luyện đọc, viết; giữa trang bị kiến thức sơ giản với rèn luyện kỹ năng

Chương trình đặt lên hàng đầu mục tiêu rèn luyện kỹ năng. Để tăng hiệu quả học

tập và tiết kiệm thời gian học, Chương trình lấy bài đọc làm cơ sở rèn các kỹ năng đọc, viết, nghe và nói. Bài đọc cũng là cơ sở để hình thành các kiến thức từ ngữ, ngữ pháp sơ giản, làm nền cho việc rèn luyện kỹ năng.

3.2. Kết hợp chặt chẽ giữa việc dạy ngôn ngữ với trang bị vốn hiểu biết cơ bản về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc

Để việc học ngôn ngữ dân tộc giúp ích nhiều nhất cho người học, việc dạy tiếng dân tộc cần dựa trên ngữ liệu phản ánh cuộc sống lao động, sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán,... của địa phương, qua đó trang bị cho người học những hiểu biết về tâm lý, tình cảm, văn hóa truyền thống,... của đồng bào dân tộc. Bên cạnh đó cũng cần có một số văn bản thường thức về khoa học, pháp luật, chính trị để người học có vốn từ ngữ cần thiết, vận dụng trong công tác tuyên truyền đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận động nếp sống mới và phổ biến khoa học.

III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

1. Thời lượng dạy học chung

Chương trình được thực hiện với thời lượng khoảng từ 300 đến 450 tiết.

2. Cấu trúc Chương trình và phân bổ thời lượng

2.1. Cấu trúc

Chương trình được thiết kế thành các cụm bài (khoảng 10 cụm bài). Mỗi cụm bài ứng với một chủ đề. Các chương trình dạy ngôn ngữ cụ thể có thể thay đổi, bổ sung một số chủ đề cho phù hợp với thực tiễn triển khai.

Mỗi cụm bài gồm một số bài học. Mỗi bài học tích hợp các nội dung học tập, rèn luyện sau:

- Bài đọc
- Từ ngữ - ngữ pháp
- Luyện nghe - luyện nói
- Luyện viết

2.2. Phân bổ thời lượng

- Thời lượng cho mỗi cụm bài tùy thuộc nội dung từng chủ đề.
- Số tiết dành cho luyện nghe - luyện nói chiếm khoảng 60% thời gian của bài học.

- Số tiết dành cho bài đọc, từ ngữ - ngữ pháp, luyện viết chiếm khoảng 40% thời gian của bài học.

IV. YÊU CẦU CƠ BẢN CẦN ĐẠT

Học xong Chương trình, học viên cần đạt được các yêu cầu cơ bản sau:

1. Về kỹ năng

- Nghe - hiểu ý kiến của đồng bào về những vấn đề đơn giản. Nghe - hiểu ý chính của những mẫu chuyện, bản tin ngắn, những bài đơn giản phổ biến kiến thức khoa học, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Trò chuyện được bằng tiếng dân tộc với đồng bào về những vấn đề gần gũi, thiết thực. Nói lại được ý chính của cuộc trao đổi, của những mẫu chuyện, bản tin ngắn, thông báo,... đã nghe, đã đọc.

- Đọc được rõ ràng, tương đối trôi chảy những văn bản ngắn, đơn giản (mẫu truyện, bản tin, bài văn, bài thơ, bài phổ biến khoa học, phổ biến đường lối, chính sách, pháp luật,...). Hiểu ý chính của bài. Thuộc một số tục ngữ, thành ngữ, ca dao, bài văn vắn phổ biến của đồng bào dân tộc.

- Viết rõ nét, tương đối đúng chính tả đoạn văn ngắn. Viết được bức thư ngắn, thông báo, đoạn văn tự sự hoặc thuyết minh đơn giản, không mắc nhiều lỗi chính tả.

2. Về kiến thức

- Có vốn từ ngữ nhất định (bao gồm cả thành ngữ, tục ngữ) theo các chủ đề học tập. Nắm được các hiện tượng từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đa nghĩa.

- Nắm được một số mẫu câu đơn (câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán) và câu ghép thường dùng. Nắm được một số thành phần câu cơ bản (chủ ngữ, vị ngữ, trạng ngữ) bằng cách trả lời câu hỏi.

- Có hiểu biết thêm về phong tục tập quán, về cách giao tiếp, ứng xử thông thường, về đời sống tinh thần và vật chất của đồng bào dân tộc.

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nội dung dạy học

Nội dung dạy học của mỗi chương trình dạy tiếng dân tộc cụ thể được xây dựng dựa trên *Yêu cầu cơ bản cần đạt về kỹ năng* và *kiến thức* đã xác định ở mục IV, theo đặc điểm của từng ngôn ngữ; tùy theo từng ngôn ngữ mà chú ý các hiện tượng khó về mặt phát âm, vốn từ, mẫu câu.

Đối với các ngôn ngữ có văn tự khó, có thể tổ chức riêng một giai đoạn ngắn để học chữ, tạo điều kiện cho học viên sơ bộ biết chữ dân tộc trước khi bước vào **giai đoạn rèn luyện tổng hợp** các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết (trọng tâm là nghe, nói) và trang bị kiến thức từ ngữ, ngữ pháp sơ giản làm nền cho việc rèn luyện kỹ năng.

Nhiệm vụ của **giai đoạn học chữ** là dạy học viên các ký tự, đọc thành tiếng và đọc thầm các âm tiết, từ, ngữ, câu, chuỗi câu, đoạn, bài; tìm hiểu nghĩa của các đơn vị có nghĩa; tập viết chữ. Tác giả biên soạn tài liệu dạy học cần tận dụng những ký tự đã học để soạn thành câu, chuỗi câu, đoạn, bài ứng dụng, giúp học viên sớm nhận được mặt chữ, củng cố bài học, đẩy nhanh sự phát triển kỹ năng đọc và viết.

2. Ngữ liệu

2.1. Các kiểu văn bản

Văn bản đưa vào tài liệu dạy học theo Chương trình là các bài hội thoại (do tác giả tài liệu dạy học sưu tầm hoặc tự biên soạn), tục ngữ, thành ngữ, ca dao của đồng bào dân tộc, trích đoạn tác phẩm văn học, báo chí, tin tức, mẫu chuyện lịch sử, văn bản thường thức về khoa học, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, văn bản giao dịch thông thường,... Bên cạnh những văn bản gốc bằng tiếng dân tộc, có thể sử dụng một số văn bản dịch từ tiếng Việt.

2.2. Hệ thống chủ đề và nội dung bài đọc (gợi ý):

1) Gia đình, dòng tộc:

- Giới thiệu bản thân
- Quan hệ và tình cảm gia đình
- Kinh tế gia đình
- Kế hoạch hóa gia đình;...

2) Làng bản, phum sóc:

- Tình cảm quê hương, xóm giềng
- Già làng, trưởng bản
- Đổi mới quê hương;...

3) Thiên nhiên, môi trường:

- Thời tiết, khí hậu
- Đất rừng, sông suối, muông thú
- Bảo vệ môi trường

- Pháp luật về bảo vệ môi trường;...

4) *Văn hóa dân tộc:*

- Truyền thống văn hóa dân tộc (trang phục, hôn nhân, lễ hội,...)

- Phát triển văn hóa

- Xây dựng nếp sống mới;...

5) *Đất nước, con người:*

- Nước Việt Nam

- Các dân tộc anh em

- Đoàn kết dân tộc

- Các anh hùng dân tộc;...

6) *Đảng và Bác Hồ:*

- Chuyện về Bác Hồ

- Chuyện về các đảng viên ưu tú

- Tình cảm của đồng bào dân tộc với Đảng và Bác;...

7) *Lao động, sản xuất:*

- Truyền thống lao động cần cù

- Phát triển sản xuất

- Các ngành nghề;...

8) *Khoa học và giáo dục:*

- Truyền thống hiếu học

- Giáo dục thế hệ trẻ

- Đưa khoa học vào đời sống

- Bài trừ mê tín, dị đoan;...

9) *Chăm sóc sức khỏe:*

- Rèn luyện thân thể

- Vệ sinh phòng dịch

- Khám chữa bệnh

- Phòng chống ma túy;...

10) *Bảo vệ Tổ quốc:*

- Truyền thống yêu nước
- Giữ gìn cuộc sống thanh bình
- Bảo vệ an ninh trật tự
- Bảo vệ biên giới;...

3. Liên kết nội dung và ngữ liệu dạy học

Chương trình liên kết nội dung và ngữ liệu dạy học, lấy chủ đề học tập làm khung và bài đọc làm cơ sở để xây dựng các bài học có nội dung tích hợp: Bài đọc, từ ngữ - ngữ pháp, luyện nghe - luyện nói, luyện viết. Phân từ ngữ - ngữ pháp không dạy lý thuyết mà hình thành kiến thức thông qua các bài luyện tập.

Thông qua các chủ đề học tập thiết thực, chương trình và tài liệu dạy học giúp học viên mở rộng, hệ thống hóa, tích cực hóa vốn từ; hình thành và phát triển kỹ năng ngôn ngữ; trang bị những kiến thức ngữ pháp sơ giản, ban đầu; giúp học viên có những hiểu biết cơ bản về văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc.

VI. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về các bộ chữ dân tộc và vấn đề phương ngữ

1.1. Về các bộ chữ dân tộc

Các bộ chữ dân tộc được dùng trong Chương trình là bộ chữ được đồng bào dân tộc thừa nhận, sử dụng và được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

Tùy thực tế ở từng cộng đồng dân tộc, bộ chữ được thừa nhận có thể là:

- Bộ chữ cổ truyền được cộng đồng dân tộc sử dụng qua nhiều thế hệ.
- Bộ chữ cổ truyền đã qua chỉnh lý, được đồng bào chấp nhận, được cấp có thẩm quyền ra văn bản phê chuẩn.
- Bộ chữ được xây dựng thể theo yêu cầu và nguyện vọng của đồng bào, được đồng bào chấp nhận, được cấp có thẩm quyền ra văn bản phê chuẩn.

Trong trường hợp đồng bào cùng một dân tộc sinh sống ở nhiều vùng khác nhau mà mỗi vùng sử dụng một bộ chữ thì có thể biên soạn tài liệu dạy học riêng cho mỗi vùng.

1.2. Về vấn đề phương ngữ

Mỗi dân tộc có thể sinh sống ở những vùng khác nhau, sử dụng những phương

ngữ ít nhiều khác nhau về cách phát âm và từ ngữ. Tài liệu dạy học cần có mục đối chiếu các phương ngữ sau từng bài đọc hoặc có bảng từ ngữ đối chiếu ở cuối tài liệu. Đồng thời, cần trang bị cho học viên các tài liệu công cụ như sổ tay phương ngữ tiếng dân tộc, từ điển so sánh tiếng dân tộc - tiếng Việt, tiếng Việt - tiếng dân tộc để học viên tham khảo và tra cứu. Trong trường hợp phương ngữ của các vùng khác nhau quá nhiều thì việc lựa chọn biên soạn tài liệu dạy học theo phương ngữ nào sẽ do đồng bào dân tộc và các cấp có thẩm quyền quy định.

2. Về cấu trúc của Chương trình

2.1. Đặc điểm cấu trúc

Chương trình được thiết kế thành các cụm bài. Mỗi cụm bài ứng với một chủ đề và gồm một số bài học tích hợp. Mỗi bài học đều gồm các phần: Bài đọc, từ ngữ ngữ pháp, luyện nghe - luyện nói, luyện viết. Các phần trong bài học liên kết với nhau qua hệ thống chủ đề học tập theo mô hình sau:

Chủ đề 1: Gia đình, dòng tộc (Cụm bài thứ nhất)

Bài học số...			
Bài đọc	Từ ngữ - ngữ pháp	Luyện nghe - luyện nói	Luyện viết
Ví dụ: Bài: <i>Quan hệ và tình cảm gia đình</i> - Phát âm đúng - Hiểu nội dung bài	- Từ ngữ về gia đình - Từ xưng hô - Hỏi và trả lời câu hỏi <i>Ai?, Là gì?, Bao nhiêu?</i>	- Trả lời câu hỏi về nội dung bài đọc - Chào hỏi - Giới thiệu về gia đình	- Tập viết chữ - Viết chính tả

2.2. Nội dung bài học

Mỗi phần trong bài học có nhiệm vụ cụ thể như sau:

- *Bài đọc*: rèn cho học viên các kỹ năng đọc, nghe và nói, đồng thời cung cấp vốn từ, tăng cường khả năng diễn đạt, trang bị cho học viên những hiểu biết cần thiết về đời sống.

- *Từ ngữ - ngữ pháp*: giúp học viên mở rộng vốn từ, trang bị những kiến thức sơ

giản về từ ngữ, ngữ pháp tiếng dân tộc, làm nền cho việc rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu.

- *Luyện nghe*: rèn cho học viên kỹ năng nghe thông qua các hình thức nghe đọc, nghe kể chuyện, nghe câu hỏi, nghe ý kiến trao đổi của giáo viên, của học viên cùng lớp,...

- *Luyện nói*: rèn cho học viên kỹ năng nói thông qua các hình thức trả lời câu hỏi; nói theo đề tài,...

- *Luyện viết*: rèn kỹ năng viết chữ; viết chính tả câu văn, đoạn văn ngắn; viết bức thư ngắn, mẫu tin, đoạn văn tự sự, thuyết minh,.... đơn giản.

3. Về sự phân bổ thời lượng cho các phần của bài học

Sự phân bổ thời lượng thể hiện mức độ cần quan tâm đối với mỗi phần của bài học, tránh tình trạng dành quá nhiều hoặc quá ít thời gian cho một phần. Trong phạm vi thời lượng dành cho mỗi phần, người biên soạn tài liệu dạy học có thể chủ động sắp xếp thời gian để rèn kỹ năng, dạy kiến thức mới hay ôn luyện, củng cố kỹ năng, kiến thức đã học; người dạy cũng có thể điều chỉnh thời lượng học cho phù hợp với các lớp học.

4. Về tài liệu dạy học

Chương trình khung là căn cứ để biên soạn các chương trình dạy tiếng dân tộc cụ thể (có chữ viết). Chương trình cụ thể là căn cứ để tập thể tác giả biên soạn tài liệu dạy học, bao gồm tài liệu học tập cho học viên; tài liệu hướng dẫn giảng dạy cho giáo viên.

Trong tài liệu học tập cho học viên, bên cạnh chữ dân tộc và chữ quốc ngữ, có thể thêm phần phiên âm la tinh với những ngôn ngữ có văn tự cổ, khó đọc.

5. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Để việc dạy học đạt được mục tiêu một cách nhanh chóng và có hiệu quả, giáo viên cần vận dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của người học, chú ý những biện pháp đặc trưng của môn học như: rèn luyện theo mẫu, thực hành giao tiếp, phân tích ngôn ngữ,...; phối hợp hợp lý, đúng lúc đúng chỗ các phương pháp, biện pháp và hình thức tổ chức học tập (làm việc cá nhân, làm việc theo nhóm,...); kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan nghe - nhìn. Đặc biệt, cần khuyến khích học viên kết hợp việc học trên lớp với thực hành giao tiếp trong đời sống.

6. Về đánh giá kết quả học tập của học viên

6.1. Phương thức đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của học viên được thực hiện theo các phương thức sau:

- Đánh giá thường xuyên (trong mỗi giờ lên lớp).
- Đánh giá định kỳ (cuối mỗi bài, cụm bài,...).
- Đánh giá cuối khóa.

6.2. Nguyên tắc đánh giá

6.2.1. Đánh giá toàn diện kết quả học tập của học viên theo các nội dung đã được nêu trong Chương trình. Những nội dung được chú trọng như các kỹ năng nghe và nói sẽ được kiểm tra, đánh giá nhiều hơn, thường xuyên hơn; các kỹ năng đọc và viết sẽ được đánh giá ít hơn, với yêu cầu đơn giản hơn.

6.2.2. Đa dạng hóa công cụ kiểm tra, đánh giá để làm cho đánh giá trở nên chính xác hơn, có độ tin cậy cao hơn: kết hợp đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan với tự luận, đánh giá bằng hình thức vấn đáp, bằng quan sát trực tiếp của giáo viên...

6.2.3. Cách kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với từng kỹ năng:

- Các kỹ năng nghe, nói, đọc thành tiếng được đánh giá bằng hình thức vấn đáp từng học viên.
- Các kỹ năng dùng từ, đặt câu, đọc - hiểu được đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi mở.
- Các kỹ năng viết chữ, viết chính tả được đánh giá bằng bài viết.
- Kỹ năng viết đoạn văn được đánh giá bằng bài viết tự luận.

6.3. Cấp chứng chỉ

- Cuối khóa học, những học viên đạt yêu cầu học tập được cấp chứng chỉ.
- Việc xét kết quả học tập để cấp chứng chỉ cho học viên cần dựa trên kết quả của cả quá trình học tập và kỳ thi cuối khóa.

7. Về các loại hình đào tạo

7.1. Học tập trung một đợt tại các lớp học theo thời gian quy định trong Chương trình. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

7.2. Học tập trung nhiều đợt, mỗi đợt hoàn thành một phần nội dung quy định trong Chương trình. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

7.3. Học bán tập trung: Học viên vừa công tác vừa theo học một số buổi trong tuần hoặc một số ngày trong tháng. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

7.4. Tự học có hướng dẫn: Học viên tự học qua tài liệu. Kết thúc mỗi phần được quy định trong Chương trình và tài liệu, học viên được giáo viên hướng dẫn tiếp cho đến hết chương trình học. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và nhận chứng chỉ.

8. Về điều kiện thực hiện Chương trình

Để thực hiện Chương trình có hiệu quả, cần bảo đảm một số điều kiện cơ bản sau:

- Có đủ giáo viên.
- Có cơ sở vật chất tối thiểu.
- Có đủ tài liệu học tập cho học viên, tài liệu hướng dẫn giảng dạy cho giáo viên.
- Bố trí thời gian học tập cho học viên một cách hợp lý.

Tùy điều kiện, các địa phương có thể trang bị cho lớp học các phương tiện nghe nhìn, các loại sách bổ trợ (truyện đọc, tục ngữ, thơ,... bằng tiếng dân tộc), sách công cụ (từ điển đối chiếu tiếng dân tộc và tiếng Việt, sổ tay từ ngữ tiếng dân tộc, ngữ pháp tiếng dân tộc,...) nhằm tăng hiệu quả giảng dạy và học tập.

Bên cạnh đó, cần có quy chế đánh giá và sử dụng kết quả học tập của học viên chế độ phụ cấp cho giáo viên,... để động viên, khuyến khích người học và người dạy./.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Vọng